

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-ST  
Ngày 30-8-2018  
Tranh chấp ranh giới quyền sử  
dụng đất và tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Toán.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phiêu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/8 và ngày 30/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2015/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2015 về Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1945;

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1954, theo Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2015 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư MT (Có mặt) và luật sư XP (Vắng mặt), thuộc Công ty luật TNHH MTV TT, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 4, thành phố 5, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1933 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1954 (Có mặt);

2. Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1980 (Có mặt);

3. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974 (Có mặt);

4. Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1972 (Có mặt);
5. Anh Nguyễn Thanh Út, sinh năm 1978 (Vắng mặt);
6. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1931 (Vắng mặt);
7. Anh Nguyễn Minh T4, sinh năm 1974 (Vắng mặt);
8. Nguyễn Tấn L, sinh năm 1977 (Vắng mặt);
9. Anh Nguyễn Minh T5, sinh năm 1984 (Vắng mặt);
10. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt);
11. Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1964 (Vắng mặt), địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2016, ngày 18/4/2017 và tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ ông Nguyễn Văn T1 sau khi chết để lại cho ông T1 1.750m<sup>2</sup> đất tại ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp, gồm 03 thửa: Thửa 2381, diện tích 1.200m<sup>2</sup> đất lúa; Thửa 2382, diện tích 400m<sup>2</sup> đất cây lâu năm và thửa 2383, diện tích 150m<sup>2</sup> đất thổ cư. Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0000/QSDD/A4, do Ủy ban nhân dân huyện 3 cấp cho hộ ngày 08/12/2000, do ông T1 đại diện hộ đứng tên. Trong quá trình sử dụng, đất của hộ ông T1 bị ông Nguyễn Văn N lấn ranh 03 thửa đất nêu trên theo đo đạc thực tế là 120,3m<sup>2</sup>.

Về ranh giới quyền sử dụng đất: Năm 2007 ông N tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với hộ ông Nguyễn Văn N1 là người có đất giáp ranh. Tòa án nhân dân huyện 3 xét xử sơ thẩm bản án số 00/2007/DSST ngày 16/7/2007. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm bản án số 00/2007/DSPT ngày 13/9/2009 hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm đều căn cứ vào các số liệu của Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 28/5/2007 để giải quyết.

Căn cứ vào sơ đồ đo đạc ngày 28/5/2007 thì ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông T1 với đất của ông N được xác định: Tại điểm số 01 từ ranh đất của ông N1 đo sang đất của ông N là 23m; tại điểm số 04 từ ranh đất của ông N1 đo sang đất của ông N là 28,7m và tại điểm số 05 từ ranh đất của ông N1 đo sang đất của ông N là 31,4m, như vậy ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông T1 với đất của ông N được xác định trong hai bản án là từ điểm 01 đến các điểm 02, 03, 04 và 05 có chiều dài là 132m.

Ngày 06/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, thì ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông T1

với đất của ông N được xác định là các điểm 6-7-8 và 9. Do trước đây đo đạc bằng thước dây, nay đo đạc bằng máy nên số liệu có chênh lệch nhưng không đáng kể, ông T1 thống nhất lấy số liệu theo sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017 để giải quyết vụ án. Nay ông T1 có ý kiến và yêu cầu như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên ông N phải trả cho hộ ông T1 120,3m<sup>2</sup> đất bị lấn ranh; Yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông T1 với đất của ông N là các điểm 6-7-8 và 9 có chiều dài là 132,43m, theo sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017; Về chi phí tố tụng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong diện tích đất tranh chấp 120,3m<sup>2</sup>, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017, hiện nay anh C là cháu ông N có một phần nhà là 04m<sup>2</sup>, anh T2 là cháu ông N có một phần nhà 2,4m<sup>2</sup>, chị T3 là con ông N có một nấc cầu thang và bà S có một phần nhà, ông T1 đồng ý giữ nguyên hiện trạng, nếu sau này có yêu cầu, ông T1 sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về lối đi ông T1 có ý kiến như sau: Họ đều là con, cháu của ông N và ông T1, phía đất của ông N là đất trống, phía đất của ông T1 cũng là đất trống nếu họ có yêu cầu, ông T1 sẽ xem xét chừa từ ranh đất ra 0,5m, ông N chừa ra 0,5m, chiều dài theo chiều dài của đất.

Tại Biên bản ghi lời khai của người đại diện cho ông N và Bản tự khai ngày 02/12/2015 bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N và ông T1 là anh em con chú con bác, đất của ông N và đất của ông T1 đều do ông bà, cha mẹ để lại và cùng sử dụng từ năm 1975 đến nay. Vào ngày 12/10/1994 ông Nguyễn Văn N được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0000/QSDD/A4, trong đó có 03 thửa giáp với đất của ông T1 là: Thửa 2378 diện tích 520m<sup>2</sup> đất thổ; thửa 2379 diện tích 950m<sup>2</sup> đất chuyên dùng khác và thửa 2380 diện tích 1520m<sup>2</sup> đất 2 lúa. Đất của ông N sử dụng ổn định từ năm 1975 đến nay, phía sau đất là đất ruộng, ranh đất được xác định là giữa bờ đê, ở giữa có trụ đá làm ranh, phía giáp lộ có nhà của anh C đang ở và có trụ điện làm ranh, ông N có ý kiến như sau:

Không chấp nhận yêu cầu của ông T1, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất, ranh đất giữa đất của ông N với đất của ông T1 theo sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017 được xác định theo các điểm là 10-11-12 và 13, chiều dài là 132,65m.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T3 trình bày:

Chị là con ông N, hiện nay ông T1 đang tranh chấp ranh đất với ông N, do đất là của ông N nên ông N có quyền quyết định, chị thống nhất theo lời trình bày và ý kiến của ông N, không có ý kiến gì khác.

Nhà chị làm trên đất của ông N nên ông N cho bao nhiêu chị nhận bấy nhiêu, giữa chị và ông N không có tranh chấp, một phần nhà của chị nằm trong đất tranh

chấp, nếu đất thuộc về ai, chị cũng yêu cầu giữ nguyên hiện trạng. Về lối đi chung: Nếu sau này có yêu cầu, chị sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh C trình bày:

Bà nội anh là chị ruột ông N, anh là cháu ông N, hiện nay ông T1 đang tranh chấp ranh đất với ông N, do đất là của ông N nên ông N có quyền quyết định, anh thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông N, hiện nay nhà anh có một phần trong đất tranh chấp và anh có sử dụng lối đi chung. Nay anh có ý kiến và yêu cầu như sau:

Yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng nhà cho anh; Yêu cầu ông T1 phải chừa ra một lối đi chung, phía giáp lộ từ mí nhà anh sang đất ông T1 là 02m, phía sau nhà từ mí nhà anh sang đất ông T1 là 02m, từ nhà ông T2 sang đất nhà ông T1 là 03m, chiều dài từ trụ điện cặp lộ ra đất ruộng, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông N là anh ruột mẹ anh, anh là cháu ông N hiện nay ông T1 đang tranh chấp ranh đất với ông N, do đất là của ông N nên ông N có quyền quyết định, anh thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông N, anh có một phần nhà trong đất tranh chấp và sử dụng lối đi chung. Nay anh có ý kiến và yêu cầu như sau:

Yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng nhà cho anh; Yêu cầu ông T1 phải chừa ra một lối đi chung chiều ngang 03m, tính từ nhà anh sang đất ông T1, chiều dài tính từ nhà anh đến nhà ông C và nhà bà T3, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Đơn yêu cầu cùng ngày 29/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Ut trình bày: Anh có nhà trên đất của ông N, đất của ông N và của ông T1 là của ông bà để lại, anh có yêu cầu như sau: Dù đất tranh chấp thuộc về ai, anh cũng yêu cầu chừa ra một lối đi chung, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Đơn yêu cầu ngày 29/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày: Đất ông T1 đang tranh chấp với ông N là của ông bà để lại, hiện nay nhà bà có một phần trên đất tranh chấp, dù đất thuộc về ai bà cũng yêu cầu giữ nguyên hiện trạng nhà cho bà và yêu cầu chừa ra một lối đi chung từ lộ ra tới đất ruộng.

Tại Bản tự khai cùng ngày 13/11/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T4, anh Nguyễn Tấn L, anh Nguyễn Minh T5, anh Nguyễn Minh Đ và chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Các anh, chị là con ông T1 và bà P, đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà để lại cho cha mẹ, các anh chị không có công sức đóng góp gì, do đó cha mẹ có toàn quyền quyết định và thống nhất theo quyết định của cha mẹ, không có ý kiến gì khác.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào bản án phúc thẩm số 390/2007/DSPT ngày 13/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành án, thì ranh giới quyền sử dụng đất, giữa đất của ông T1 và đất của ông N được xác định từ điểm 06 đến các điểm 07,08 và 09 theo sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017. Đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh luận của các đương sự và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2015 nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của nguyên đơn với đất của bị đơn và buộc bị đơn trả lại đất bị lấn ranh. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật;

[1.2] Về sự vắng mặt các đương sự và người làm chứng: Các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt có lời khai tại hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án T5 hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giữa các đương sự trong vụ án đã thống nhất về diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 120,3m<sup>2</sup>.

[2.2] Tòa án nhận định:

[2.3] Đất của ông T1 có nguồn gốc của cha mẹ sau khi chết để lại gồm 3 thửa: Thửa 2381, diện tích 1.200m<sup>2</sup> đất lúa; Thửa 2382 diện tích 400m<sup>2</sup> đất cây lâu năm và thửa 2383 diện tích 150m<sup>2</sup> đất thổ cư, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0000.QSĐĐ/A4, do Ủy ban nhân dân huyện 3 cấp cho hộ ông T1 ngày 08/12/2000, do ông Nguyễn Văn T1 đại diện hộ đứng tên;

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T1 (3 thửa) là 1.750m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế chưa tính diện tích tranh chấp là 2.511,9m<sup>2</sup>, nếu cộng diện tích tranh chấp thì diện tích 3 thửa là 2.632,2m<sup>2</sup>, cao hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 882.2m<sup>2</sup>.

[2.4] Đất của ông N có nguồn gốc của cha mẹ sau khi chết để lại vào năm 1975, ông N sử dụng đến nay, đất giáp với đất của ông T1 gồm 03 thửa: Thửa 2378, diện tích 520m<sup>2</sup> đất thổ; Thửa 2379 diện tích 950m<sup>2</sup> đất chuyên dùng khác và thửa 2380 diện tích 1.520m<sup>2</sup> đất 2 lúa;

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất của ông N (3 thửa) là 2.990m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế chưa tính diện tích tranh chấp là 3.632,6m<sup>2</sup>, nếu cộng diện tích tranh chấp thì diện tích 03 thửa là 3.752,9m<sup>2</sup>, cao hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 762,9m<sup>2</sup>.

[2.5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của người đại diện cho nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tại phiên tòa, xét thấy:

Tại bản án sơ thẩm số 00/2007/DSST ngày 16/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện 3, bản án phúc thẩm số 00/2009/DSPT ngày 13/9/2009 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành án. Vào năm 2007 ông Nguyễn Văn N có khởi kiện ông Nguyễn Văn N1, bà Phạm Thị R1 ... là người có đất giáp ranh để xác định ranh giới quyền sử dụng đất (Nay là đất của ông P1), các bên đã trồng trụ đá làm ranh, hiện nay các trụ đá làm ranh vẫn còn và được các bên thừa nhận;

Theo sơ đồ đo đạc ngày 28/5/2007 thì ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông T1 với đất của ông N được xác định như sau: Tại điểm số 01 đo về ranh đất của ông N1 với đất của ông N là 23m; Tại điểm số 04 đo về ranh đất của ông N1 với đất của ông N là 28,7m; Tại điểm số 05 đo về ranh đất của ông N1 với đất của ông N là 31,4m;

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017 thì: Tại điểm số 09 (Sơ đồ năm 2007 là điểm 01) đo về ranh đất của ông Phương (Ông N1) là 23,3m; Tại điểm số 8' (Sơ đồ năm 2007 là điểm 04) đo về ranh đất của ông Phương (Ông N1) là 28,7m; Tại điểm số 06 (Sơ đồ năm 2007 là điểm 05) đo về ranh đất của ông Phương (Ông N1) là 31,0m. Như vậy về số liệu đo đạc của sơ đồ đo đạc ngày 28/5/2007 so với sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017 có chênh lệch nhưng không đáng kể, còn nằm trong phạm vi sai số cho phép;

Từ nhận định trên đã có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 120,3m<sup>2</sup> thuộc các thửa 2381, 2382 và thửa 2383, tờ bản đồ số 2, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0000/QSĐĐ/A4, do Ủy ban nhân dân huyện 3 cấp cho hộ ông T1 ngày 08/12/2000 là thuộc quyền sử dụng của hộ ông T1; Về ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông T1 với đất của ông N được xác định: Từ mốc 06 đến mốc 07 có độ dài là 54,62m, từ mốc 07 đến mốc 08 có độ dài là

19,02m, từ mốc 08 đến mốc 09 có độ dài là 58,79m, tổng chiều dài là 132,43m, theo sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017;

Việc buộc ông N, anh C, anh T2, chị T3 và bà S phải trả lại cho hộ ông T1 120,3m<sup>2</sup> đất nêu trên là phù hợp với khoản 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí đo đạc với số tiền là 5.584.200đ (Tính tròn) mà ông T1 đã nộp. Do yêu cầu của ông T1 được chấp nhận nên ông N phải trả lại ông T1 số tiền trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Trong 120,3m<sup>2</sup> đất của hộ ông T1, hiện nay anh C có một phần nhà là 04m<sup>2</sup>, anh T2 một phần nhà 2,4m<sup>2</sup>, chị T3 có một gác cầu thang và bà S có một phần nhà, ông T1 đồng ý giữ nguyên hiện trạng, không yêu cầu phải di dời, tháo dỡ nên Tòa án không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5] Tại Đơn yêu cầu và Biên bản lấy lời khai của anh C, anh T2, anh Út, chị T3 và bà S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông T1 phải chữa ra lỗi đi chung. Tòa án đã có Thông báo về việc nộp đơn khởi kiện phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật để được xem xét giải quyết trong cùng vụ án, nhưng không thực hiện, do đó không được xem xét trong vụ án, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, do ông N là người cao tuổi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 229 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T1, bà Lê Thị P, anh Nguyễn Minh T4, anh Nguyễn Minh T5, anh Nguyễn Minh Đ, anh Nguyễn Tấn L và chị Nguyễn Thị Bích L đối với ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Thanh T3 và bà Nguyễn Thị S, về việc buộc ông N, anh C, anh T2, chị T3 và bà S phải trả 120,3m<sup>2</sup> đất cho ông T1, bà P, anh T4, anh T5, anh Đ, anh L và chị L. Đất thuộc một phần của các 2381, 2382 và 2383 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000/QSĐĐ/A4, do Ủy ban nhân

dân huyện Thanh Bình cấp cho hộ ông T1 ngày 08/12/2000, do ông Nguyễn Văn T1 đại diện hộ đứng tên. Đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp với đất của ông T1 (Giáp các thửa 2381, 2382 và 2383), từ mốc 10 đến mốc 11, 12 và 13 có độ dài là 132,65m;

- Phía Nam giáp với đất của ông N (Giáp các thửa 2378, 2378 và 2380), từ mốc 06 đến mốc 07, 08 và 09 có độ dài là 132,43m;

- Phía Đông giáp với chân taly lộ đân, từ mốc 09 đến mốc 10 có độ dài là 0,7m;

- Phía Tây giáp bờ đê, từ mốc 06 đến mốc 13 có độ dài là 0,7m; từ mốc 07 đến mốc 12 mốc có độ dài là 0,94m; từ mốc 08 đến mốc 11 có độ dài là 1,2m.

(Có Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017 kèm theo)

2. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông T1 với đất của ông N được xác định: Từ mốc 06 đến mốc 07 có độ dài là 54,62m; Từ mốc 07 đến mốc 08 có độ dài là 19,02m; Từ mốc 08 đến mốc 09 có độ dài là 58,79m, tổng cộng chiều dài là 132,43m.

(Có Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 06/6/2017 kèm theo)

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền chi phí tố tụng là 5.584.200đ (Năm triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm đồng);

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông N chưa thi hành xong số tiền trên, thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyễn Văn T1 được nhận lại 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 020445 ngày 23/11/2015; 100.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 020744 ngày 26/5/2016 và 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002441 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình. Tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Bình.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi



hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA huyện Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Bùi Văn Toán**